TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 87/2025/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2025/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh ngày 27/3/1994.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh B (nay là Ấp N, xã H, tỉnh C).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 08/8/1992.

Địa chỉ: Số 60/299B, khóm D, phường M, thành phố B, tỉnh B (nay là Số 60/299B, khóm M, phường B, tỉnh C).

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Phan Thị Ngọc Huyền.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Phan Thị Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung tên Lê Phan Nhật M, sinh ngày 31/3/2019. Khi ly hôn giao con chung cho bà Phan Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

Cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành quyết định của người được thi hành quyết định, cho đến khi thi hành quyết định xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành quyết định còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Phan Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn T và bà Phan Thị Ngọc H mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: Ông Lê Văn T phải chịu là 150.000 đồng.

Ông Lê Văn T tự nguyện chịu thay án phí cho bà Phan Thị Ngọc H. Do đó, ông T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000322 ngày 16/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Hồng Lam